UBND XÃ SI MA CAI
TRƯỜNG THCS SI MA CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

BẢNG THỰC ĐƠN CÂN ĐỐI ĂN HÀNG NGÀY CỦA HỌC SINH THÁNG 04/2026

Từ ngày 01/4/2026 đến hết ngày 29/4/2026

Tổng số học sinh: 432 học sinh. HS ăn từ trưa thứ 2 đến hết trưa thứ 6. Tổng số bữa ăn trưa: 20 bữa

Tổng số tiền/tháng: 194.400.000 đồng (450.000đ/HS/tháng)
Số tiền/bữa: 9.720.000 đồng
Số tiền/HS/bữa: 22.500 đồng
Số tiền ăn 1 ngày: 9.720.000 đồng
Số tiền đề nghị quyết toán 193.936.000 đồng
Số tiền không quyết toán 464.000 đồng

Thứ	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tổng
Thứ tư (ngày 01/4/2026)	Bữa trưa	Muối I ốt	Kg	3	7.000	21.000	666.000
		Hạt nêm	Kg	1	60.000	60.000	
		Mì chính Vedan	Kg	1	65.000	65.000	
		Nước mắm Nam Ngư	Lít	0,5	60.000	30.000	
		Dầu ăn Neptune	Lít	2	65.000	130.000	
		Dầu rửa bát sunline	Lít	2	40.000	80.000	
		Ga	Kg	7	40.000	280.000	
		Thịt bò rút xương	Kg	32	210.000	6.720.000	8.589.000
		Thịt lợn mông	Kg	2	132.000	264.000	
		Khoai tây	Kg	15,5	18.000	279.000	
		Cà rốt	Kg	15	20.000	300.000	
		Xả tươi	Kg	1	25.000	25.000	
		Cà chua	Kg	11	18.000	198.000	
		Gia vị (hoa hồi, thảo quả, quế…)	Kg	0,4	120.000	48.000	
		Gói gia vị sốt vang	Gói	8	10.000	80.000	
		Su su	Kg	45	15.000	675.000	
Thứ năm (ngày 02/4/2026)	Bữa trưa	Muối I ốt	Kg	3	7.000	21.000	811.000
		Hạt nêm	Kg	1	60.000	60.000	
		Mì chính Vedan	Kg	1	65.000	65.000	
		Nước mắm Nam Ngư	Lít	0,5	60.000	30.000	
		Dầu ăn Neptune	Lít	3	65.000	195.000	
		Dầu rửa bát sunline	Lít	2	40.000	80.000	
		Ga	Kg	9	40.000	360.000	
		Thịt gà ta	Kg	55	120.000	6.600.000	8.911.500
		Gừng	Kg	2	35.000	70.000	
		Đậu rán	Kg	46	25.000	1.150.000	
		Hành lá	Kg	0,5	35.000	17.500	
		Cà chua	Kg	13	18.000	234.000	
		Bí xanh	Kg	42	20.000	840.000	
		Muối I ốt	Kg	4	7.000	28.000	
		Hạt nêm	Kg	1	60.000	60.000	
		Mì chính Vedan	Kg	1	65.000	65.000	

Thứ sáu (ngày 03/4/2026)	Bữa trưa	Nước mắm Nam Ngư	Lít	0,5	60.000	30.000	883.000
		Dầu ăn Neptune	Lít	4	65.000	260.000	
		Dầu rửa bát sunline	Lít	2	40.000	80.000	
		Ga	Kg	9	40.000	360.000	
		Thịt lợn mông	Kg	11,5	132.000	1.518.000	8.837.500
		Cà rốt	Kg	9	20.000	180.000	
		Bắp cải	Kg	41,5	15.000	622.500	
		Giò lợn	Kg	41	132.000	5.412.000	
		Hành lá	Kg	2	35.000	70.000	
		Cà chua	Kg	15,5	18.000	279.000	
		Bí đỏ	Kg	42	18.000	756.000	
Thứ hai (ngày 06/4/2026)	Bữa trưa	Muối I ốt	Kg	3	7.000	21.000	781.000
		Hạt nêm	Kg	0,5	60.000	30.000	
		Mì chính Vedan	Kg	1	65.000	65.000	
		Nước mắm Nam Ngư	Lít	0,5	60.000	30.000	
		Dầu ăn Neptune	Lít	3	65.000	195.000	
		Dầu rửa bát sunline	Lít	2	40.000	80.000	
		Ga	Kg	9	40.000	360.000	
		Giò lợn	Kg	22	132.000	2.904.000	8.934.500
		Thịt lợn mông	Kg	22	132.000	2.904.000	
		Trứng gà	Quả	550	2.500	1.375.000	
		Cà rốt	Kg	16	20.000	320.000	
		Cà chua	Kg	8	18.000	144.000	
		Ngô ngọt hạt	Kg	11	55.000	605.000	
		Hành lá	Kg	1,5	35.000	52.500	
		Bắp cải	Kg	42	15.000	630.000	
Thứ ba (ngày 07/4/2026)	Bữa trưa	Muối I ốt	Kg	3	7.000	21.000	823.500
		Hạt nêm	Kg	1	60.000	60.000	
		Đường trắng	Kg	0,5	25.000	12.500	
		Mì chính Vedan	Kg	1	65.000	65.000	
		Nước mắm Nam Ngư	Lít	0,5	60.000	30.000	
		Dầu ăn Neptune	Lít	3	65.000	195.000	
		Dầu rửa bát sunline	Lít	2	40.000	80.000	
		Ga	Kg	9	40.000	360.000	
		Thịt lợn mông	Kg	56	132.000	7.392.000	8.897.500
		Trứng chim cút	Kg	1020	700	714.000	
		Hành lá	Kg	0,5	35.000	17.500	
		Bí đỏ	Kg	43	18.000	774.000	
Thứ tư (ngày		Muối I ốt	Kg	3	7.000	21.000	746.000
		Hạt nêm	Kg	1	60.000	60.000	
		Mì chính Vedan	Kg	1	65.000	65.000	
		Nước mắm Nam Ngư	Lít	0,5	60.000	30.000	
		Dầu ăn Neptune	Lít	2	65.000	130.000	
		Dầu rửa bát sunline	Lít	2	40.000	80.000	
		Ga	Kg	9	40.000	360.000	
		Thịt bò rút xương	Kg	34	210.000	7.140.000	

(ngày 08/4/2026)	Bữa trưa	Thịt lợn mông	Kg	2	132.000	264.000	8.975.000
		Khoai tây	Kg	16	18.000	288.000	
		Cà rốt	Kg	16	20.000	320.000	
		Xả tươi	Kg	1	25.000	25.000	
		Cà chua	Kg	10	18.000	180.000	
		Gia vị (hoa hồi, thảo quả, quế…)	Kg	0,4	120.000	48.000	
		Gói gia vị sốt vang	Gói	8	10.000	80.000	
		Su su	Kg	42	15.000	630.000	
Thứ năm (ngày 09/4/2026)	Bữa trưa	Muối I ốt	Kg	3	7.000	21.000	811.000
		Hạt nêm	Kg	1	60.000	60.000	
		Mì chính Vedan	Kg	1	65.000	65.000	
		Nước mắm Nam Ngư	Lít	0,5	60.000	30.000	
		Dầu ăn Neptune	Lít	3	65.000	195.000	
		Dầu rửa bát sunline	Lít	2	40.000	80.000	
		Ga	Kg	9	40.000	360.000	
		Thịt gà ta	Kg	55	120.000	6.600.000	8.911.500
		Gừng	Kg	2	35.000	70.000	
		Đậu rán	Kg	46	25.000	1.150.000	
		Hành lá	Kg	0,5	35.000	17.500	
		Cà chua	Kg	13	18.000	234.000	
		Bí xanh	Kg	42	20.000	840.000	
Thứ sáu (ngày 10/4/2026)	Bữa trưa	Muối I ốt	Kg	4	7.000	28.000	883.000
		Hạt nêm	Kg	1	60.000	60.000	
		Mì chính Vedan	Kg	1	65.000	65.000	
		Nước mắm Nam Ngư	Lít	0,5	60.000	30.000	
		Dầu ăn Neptune	Lít	4	65.000	260.000	
		Dầu rửa bát sunline	Lít	2	40.000	80.000	
		Ga	Kg	9	40.000	360.000	
		Thịt lợn mông	Kg	11,5	132.000	1.518.000	8.837.500
		Cà rốt	Kg	9	20.000	180.000	
		Bắp cải	Kg	41,5	15.000	622.500	
		Giò lợn	Kg	41	132.000	5.412.000	
		Hành lá	Kg	2	35.000	70.000	
		Cà chua	Kg	15,5	18.000	279.000	
		Bí đỏ	Kg	42	18.000	756.000	
Thứ hai (ngày 13/4/2026)	Bữa trưa	Muối I ốt	Kg	3	7.000	21.000	781.000
		Hạt nêm	Kg	0,5	60.000	30.000	
		Mì chính Vedan	Kg	1	65.000	65.000	
		Nước mắm Nam Ngư	Lít	0,5	60.000	30.000	
		Dầu ăn Neptune	Lít	3	65.000	195.000	
		Dầu rửa bát sunline	Lít	2	40.000	80.000	
		Ga	Kg	9	40.000	360.000	
		Giò lợn	Kg	22	132.000	2.904.000	
		Thịt lợn mông	Kg	22	132.000	2.904.000	
		Trứng gà	Quả	550	2.500	1.375.000	

		Cà rốt	Kg	16	20.000	320.000	8.934.500
		Cà chua	Kg	8	18.000	144.000	
		Ngô ngọt hạt	Kg	11	55.000	605.000	
		Hành lá	Kg	1,5	35.000	52.500	
		Bắp cải	Kg	42	15.000	630.000	
Thứ ba (ngày 14/4/2026)	Bữa trưa	Muối I ốt	Kg	3	7.000	21.000	823.500
		Hạt nêm	Kg	1	60.000	60.000	
		Đường trắng	Kg	0,5	25.000	12.500	
		Mì chính Vedan	Kg	1	65.000	65.000	
		Nước mắm Nam Ngư	Lít	0,5	60.000	30.000	
		Dầu ăn Neptune	Lít	3	65.000	195.000	
		Dầu rửa bát sunline	Lít	2	40.000	80.000	
		Ga	Kg	9	40.000	360.000	
		Thịt lợn mông	Kg	56	132.000	7.392.000	8.897.500
		Trứng chim cút	Kg	1020	700	714.000	
		Hành lá	Kg	0,5	35.000	17.500	
		Bí đỏ	Kg	43	18.000	774.000	
Thứ tư (ngày 15/4/2026)	Bữa trưa	Muối I ốt	Kg	3	7.000	21.000	746.000
		Hạt nêm	Kg	1	60.000	60.000	
		Mì chính Vedan	Kg	1	65.000	65.000	
		Nước mắm Nam Ngư	Lít	0,5	60.000	30.000	
		Dầu ăn Neptune	Lít	2	65.000	130.000	
		Dầu rửa bát sunline	Lít	2	40.000	80.000	
		Ga	Kg	9	40.000	360.000	
		Thịt bò rút xương	Kg	34	210.000	7.140.000	8.975.000
		Thịt lợn mông	Kg	2	132.000	264.000	
		Khoai tây	Kg	16	18.000	288.000	
		Cà rốt	Kg	16	20.000	320.000	
		Xả tươi	Kg	1	25.000	25.000	
		Cà chua	Kg	10	18.000	180.000	
		Gia vị (hoa hồi, thảo quả, quế…)	Kg	0,4	120.000	48.000	
		Gói gia vị sốt vang	Gói	8	10.000	80.000	
		Su su	Kg	42	15.000	630.000	
Thứ năm (ngày 16/4/2026)	Bữa trưa	Muối I ốt	Kg	3	7.000	21.000	811.000
		Hạt nêm	Kg	1	60.000	60.000	
		Mì chính Vedan	Kg	1	65.000	65.000	
		Nước mắm Nam Ngư	Lít	0,5	60.000	30.000	
		Dầu ăn Neptune	Lít	3	65.000	195.000	
		Dầu rửa bát sunline	Lít	2	40.000	80.000	
		Ga	Kg	9	40.000	360.000	
		Thịt gà ta	Kg	55	120.000	6.600.000	8.911.500
		Gừng	Kg	2	35.000	70.000	
		Đậu rán	Kg	46	25.000	1.150.000	
		Hành lá	Kg	0,5	35.000	17.500	
		Cà chua	Kg	13	18.000	234.000	

		Bí xanh	Kg	42	20.000	840.000	
Thứ sáu (ngày 17/4/2026)	Bữa trưa	Muối I ốt	Kg	4	7.000	28.000	883.000
		Hạt nêm	Kg	1	60.000	60.000	
		Mì chính Vedan	Kg	1	65.000	65.000	
		Nước mắm Nam Ngư	Lít	0,5	60.000	30.000	
		Dầu ăn Neptune	Lít	4	65.000	260.000	
		Dầu rửa bát sunline	Lít	2	40.000	80.000	
		Ga	Kg	9	40.000	360.000	
		Thịt lợn mông	Kg	11,5	132.000	1.518.000	8.837.500
		Cà rốt	Kg	9	20.000	180.000	
		Bắp cải	Kg	41,5	15.000	622.500	
		Giò lợn	Kg	41	132.000	5.412.000	
		Hành lá	Kg	2	35.000	70.000	
		Cà chua	Kg	15,5	18.000	279.000	
		Bí đỏ	Kg	42	18.000	756.000	
Thứ hai (ngày 20/4/2026)	Bữa trưa	Muối I ốt	Kg	3	7.000	21.000	781.000
		Hạt nêm	Kg	0,5	60.000	30.000	
		Mì chính Vedan	Kg	1	65.000	65.000	
		Nước mắm Nam Ngư	Lít	0,5	60.000	30.000	
		Dầu ăn Neptune	Lít	3	65.000	195.000	
		Dầu rửa bát sunline	Lít	2	40.000	80.000	
		Ga	Kg	9	40.000	360.000	
		Giò lợn	Kg	22	132.000	2.904.000	8.934.500
		Thịt lợn mông	Kg	22	132.000	2.904.000	
		Trứng gà	Quả	550	2.500	1.375.000	
		Cà rốt	Kg	16	20.000	320.000	
		Cà chua	Kg	8	18.000	144.000	
		Ngô ngọt hạt	Kg	11	55.000	605.000	
		Hành lá	Kg	1,5	35.000	52.500	
		Bắp cải	Kg	42	15.000	630.000	
Thứ ba (ngày 21/4/2026)	Bữa trưa	Muối I ốt	Kg	3	7.000	21.000	823.500
		Hạt nêm	Kg	1	60.000	60.000	
		Đường trắng	Kg	0,5	25.000	12.500	
		Mì chính Vedan	Kg	1	65.000	65.000	
		Nước mắm Nam Ngư	Lít	0,5	60.000	30.000	
		Dầu ăn Neptune	Lít	3	65.000	195.000	
		Dầu rửa bát sunline	Lít	2	40.000	80.000	
		Ga	Kg	9	40.000	360.000	
		Thịt lợn mông	Kg	56	132.000	7.392.000	8.897.500
		Trứng chim cút	Kg	1020	700	714.000	
		Hành lá	Kg	0,5	35.000	17.500	
		Bí đỏ	Kg	43	18.000	774.000	
		Muối I ốt	Kg	3	7.000	21.000	746.000
		Hạt nêm	Kg	1	60.000	60.000	
		Mì chính Vedan	Kg	1	65.000	65.000	
		Nước mắm Nam Ngư	Lít	0,5	60.000	30.000	

Thứ tư (ngày 22/4/2026)	Bữa trưa	Dầu ăn Neptune	Lít	2	65.000	130.000	
		Dầu rửa bát sunline	Lít	2	40.000	80.000	
		Ga	Kg	9	40.000	360.000	
		Thịt bò rút xương	Kg	34	210.000	7.140.000	8.975.000
		Thịt lợn mông	Kg	2	132.000	264.000	
		Khoai tây	Kg	16	18.000	288.000	
		Cà rốt	Kg	16	20.000	320.000	
		Xả tươi	Kg	1	25.000	25.000	
		Cà chua	Kg	10	18.000	180.000	
		Gia vị (hoa hồi, thảo quả, quế…)	Kg	0,4	120.000	48.000	
		Gói gia vị sốt vang	Gói	8	10.000	80.000	
		Su su	Kg	42	15.000	630.000	
Thứ năm (ngày 23/4/2026)	Bữa trưa	Muối I ốt	Kg	3	7.000	21.000	811.000
		Hạt nêm	Kg	1	60.000	60.000	
		Mì chính Vedan	Kg	1	65.000	65.000	
		Nước mắm Nam Ngư	Lít	0,5	60.000	30.000	
		Dầu ăn Neptune	Lít	3	65.000	195.000	
		Dầu rửa bát sunline	Lít	2	40.000	80.000	
		Ga	Kg	9	40.000	360.000	
		Thịt gà ta	Kg	55	120.000	6.600.000	8.911.500
		Gừng	Kg	2	35.000	70.000	
		Đậu rán	Kg	46	25.000	1.150.000	
		Hành lá	Kg	0,5	35.000	17.500	
		Cà chua	Kg	13	18.000	234.000	
		Bí xanh	Kg	42	20.000	840.000	
Thứ sáu (ngày 24/4/2026)	Bữa trưa	Muối I ốt	Kg	4	7.000	28.000	883.000
		Hạt nêm	Kg	1	60.000	60.000	
		Mì chính Vedan	Kg	1	65.000	65.000	
		Nước mắm Nam Ngư	Lít	0,5	60.000	30.000	
		Dầu ăn Neptune	Lít	4	65.000	260.000	
		Dầu rửa bát sunline	Lít	2	40.000	80.000	
		Ga	Kg	9	40.000	360.000	
		Thịt lợn mông	Kg	11,5	132.000	1.518.000	8.837.500
		Cà rốt	Kg	9	20.000	180.000	
		Bắp cải	Kg	41,5	15.000	622.500	
		Giò lợn	Kg	41	132.000	5.412.000	
		Hành lá	Kg	2	35.000	70.000	
		Cà chua	Kg	15,5	18.000	279.000	
		Bí đỏ	Kg	42	18.000	756.000	
		Muối I ốt	Kg	3	7.000	21.000	781.000
		Hạt nêm	Kg	0,5	60.000	30.000	
		Mì chính Vedan	Kg	1	65.000	65.000	
		Nước mắm Nam Ngư	Lít	0,5	60.000	30.000	
		Dầu ăn Neptune	Lít	3	65.000	195.000	
		Dầu rửa bát sunline	Lít	2	40.000	80.000	

Thứ ba (ngày 28/4/2026)	Bữa trưa	Ga	Kg	9	40.000	360.000	
		Giò lợn	Kg	22	132.000	2.904.000	8.934.500
		Thịt lợn mông	Kg	22	132.000	2.904.000	
		Trứng gà	Quả	550	2.500	1.375.000	
		Cà rốt	Kg	16	20.000	320.000	
		Cà chua	Kg	8	18.000	144.000	
		Ngô ngọt hạt	Kg	11	55.000	605.000	
		Hành lá	Kg	1,5	35.000	52.500	
		Bắp cải	Kg	42	15.000	630.000	
Thứ tư (ngày 29/4/2026)	Bữa trưa	Muối I ốt	Kg	3	7.000	21.000	823.500
		Hạt nêm	Kg	1	60.000	60.000	
		Đường trắng	Kg	0,5	25.000	12.500	
		Mì chính Vedan	Kg	1	65.000	65.000	
		Nước mắm Nam Ngư	Lít	0,5	60.000	30.000	
		Dầu ăn Neptune	Lít	3	65.000	195.000	
		Dầu rửa bát sunline	Lít	2	40.000	80.000	
		Ga	Kg	9	40.000	360.000	
		Thịt lợn mông	Kg	56	132.000	7.392.000	8.897.500
		Trứng chim cút	Kg	1020	700	714.000	
		Hành lá	Kg	0,5	35.000	17.500	
		Bí đỏ	Kg	43	18.000	774.000	
Tổng							**193.936.000**

Si Ma Cai, ngày 31/3/2026

HIỆU TRƯỞNG

UBND XÃ SI MA CAI TỈNH LÀO CAI
TRƯỜNG THCS SI MA CAI

Nguyễn Văn Thịnh

11,666667